

Bản án số: 339/2021/HS-PT

Ngày: 22/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- T1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 247/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lê Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đối với:

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Văn T, tên gọi khác: Không - Sinh ngày 13/9/1982, tại huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Nơi Đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hóa: 2/12; Con ông: Lê Văn M (đã chết) và bà: Cao Thị H, sinh năm: 1959; Vợ: Lê Thị H1, sinh năm: 1985; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2011; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/3/2020 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hoá; Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Lê Thị Hằng - Văn phòng luật sư tư vấn pháp luật Tấn Phương, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 00 giờ 30 phút ngày 26/3/2020, tại khu vực Thôn 4, xã K, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện và bắt quả tang Lê Văn T đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Kiểm tra, thu giữ 01 khối hình

hộp chữ nhật, có kích thước (15x10x3)cm, được bọc bằng lớp Nilon màu trắng, tiếp đến là lớp giấy chống ẩm màu vàng, tiếp theo là lớp nilong màu vàng, trong cùng là lớp nilon màu trắng đựng chất màu trắng. Theo lời khai của T, đây là 01 bánh Heroine, T mang đến khu vực cây xăng Minh Hương thuộc Thôn 4 để giao cho khách, Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn T và niêm phong vật chứng theo quy định. Tang vật thu giữ gồm: 01(một) khối hình hộp chữ nhật có kích thước khoảng (15x10x3)cm nêu trên; 01(một) xe ô tô, nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu nâu vàng, BKS: 36A-442.xx; 01(một) ví da màu nâu; 01(một) giấy phép lái xe của Lê Văn T; 01(một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị H1.

Tại Kết luận giám định số 1072/PC09 ngày 30/3/2020 của Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: 01(một) khối hình hộp chữ nhật có kích thước khoảng (15x10x3)cm, được bọc ngoài bằng lớp nilon màu trắng, tiếp đến là lớp giấy chống ẩm màu vàng, tiếp đến là 1 lớp nilon màu vàng và 1 lớp nilon màu trắng, bên trong chứa chất màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, có trọng lượng: 346,17 gam, loại Heroine.

Quá trình điều tra Lê Văn T khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 23/3/2020, T đi vào quán Cà phê Sunny ở đối diện trường Trung cấp Nông Lâm, thuộc Phố Th, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa thì gặp Trần Hoàng T1, sinh năm 1976, trú tại thôn 5, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa đang ngồi uống nước cùng một nam thanh niên. Do quen biết, nên T1 gọi T đến uống nước cùng, T đến bàn ngồi uống nước cùng T1 và nam thanh niên, T1 giới thiệu cho T biết người thanh niên này là bạn của T1, tên là N nhà ở Chợ Đ, thuộc xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi ngồi uống nước, nói chuyện cùng nhau khoảng 05 phút thì T1 có việc nên ra về trước, N và T ngồi lại uống nước, nói chuyện. Trong khi trò chuyện, N trao đổi với T là hiện nay đang có một người khách ở thành phố đặt mua một bánh Heroine, nếu T mua được 01 bánh Heroine để N bán, thì N sẽ trả công cho T 15.000.000 đồng. T hỏi lại N là khách mua với giá bao nhiêu, N nói là khách trả 200.000.000 đồng một bánh. T nói là mình biết chỗ mua Heroine giá 180.000.000 đồng một bánh. N đồng ý và nói khi nào có (ý nói khi nào mua được Heroine) thì điện trước cho N để báo cho khách biết. Sau đó, T gọi điện cho một người tên là K ở thị xã B (T không biết địa chỉ cụ thể) mua 01 bánh Heroine, thì được K báo giá là 160.000.000 đồng/một bánh. T đồng ý mua và hỏi khi nào có “hàng”, K trả lời là khoảng 3 đến 4 ngày nữa mới có, lúc nào có thì K sẽ điện lại cho T.

Đến khoảng 00 giờ ngày 26/3/2020, K gọi điện cho T nói là đã có hàng (Heroine) và hỏi T đang ở đâu để K đến đón, T nói đang ở gần nhà. Sau khi nghe điện thoại của K, T gọi điện báo lại cho N biết là đã có hàng (Heroine) rồi, điện cho người ta (tức là khách hẹn mua ma túy của N) chuẩn bị đi. N nói đang ở Nhà nghỉ 89, xã K, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, lúc nào họ đến thì N sẽ điện cho T. Một lúc sau, K đến đón, T lên xe ô tô của K. Khi lên xe ô tô của K, T thấy trong xe có một người nam giới ngồi ở ghế phụ (T không biết người này), T bảo K đi đến Nhà nghỉ 89, xã K, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa để đón Nam. Khi đến Nhà nghỉ 89 thì N đi từ một xe taxi ra và lên xe ô tô của K, trên xe Nam nói khách hẹn giao hàng ở

đọc đường đi về hướng thành phố Thanh Hóa. K điều khiển xe ô tô đi từ Nhà nghỉ 89 về hướng thành phố Thanh Hóa, khi đến cây xăng Minh Hương thuộc thôn 4, xã K, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa thì N bảo dừng xe đợi khách đang lên. K dừng xe ở bên đường, rồi lấy 01(một) bánh Heroine đưa cho T, T cầm bánh Heroine K đưa và giắt vào cặp quần đang mặc. Khi thấy có chiếc xe taxi đậu phía trước, N nói: *“Anh T cầm bánh Heroine xuống đưa cho khách của em, rồi nhận đủ 200.000.000đồng cho em”*. Khi đó, T xuống xe, mang theo bánh Heroine và đi bộ đến trước cây xăng Minh Hương để giao cho khách, thì Công an tỉnh Thanh Hóa phát hiện, bắt quả tang.

Về nguồn gốc 01 bánh Heroine, T khai nhận là của người tên là K, khoảng 30 tuổi, làm nghề lái xe, nhà ở thị xã B nhưng T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể. Bên cạnh đó, T liên hệ với K bằng số điện thoại khuyến mãi, T không nhớ số điện thoại của mình và của K, không nhớ rõ biển kiểm soát xe ô tô của K, chỉ biết K đi xe ô tô 4 chỗ màu trắng. Quá trình điều tra, T khai biết K trong một lần đi chơi cùng với Trần Văn A, sinh năm 1980, trú tại thôn 5, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, hiện An đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm - Bộ Công an. Cơ quan điều tra đã phối hợp với Trại giam Thanh Lâm trích xuất phạm nhân Trần Văn A để đấu tranh làm rõ, An khai nhận chỉ biết K làm nghề lái xe taxi, nhà ở thị xã B, An không biết họ và địa chỉ cụ thể của K. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ, nên tách hành vi của K để điều tra và xử lý trong một vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Đối với đối tượng Trần Hoàng T1, sinh năm 1976, trú trại thôn 5, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, ban đầu T khai nhận T1 chỉ là người giới thiệu T với Nam để làm quen với nhau vào tối ngày 23/3/2020. Sau khi T1 về thì Nam mới đặt vấn đề về việc mua bán 01 bánh Heroine với T. Sau đó, T là người trực tiếp gọi điện cho K thỏa thuận, thống nhất giá cả, thời gian mua bán 01 (một) bánh Heroine. T1 không tham gia vào việc mua bán ma túy giữa N, T và K. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra T đã thay đổi lời khai: Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2020, T1 gọi T lên quán bán hàng ăn đêm của T1 ở đối diện trường Trung cấp Nông lâm S, rồi giới thiệu T với Nam làm quen. Sau đó, T1, T và N sang quán cà phê ngay bên cạnh uống nước cùng hai người khách mua ma túy của N (T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của hai người này). Tại quán cà phê, T nghe thấy T1 liên hệ mua 01 bánh Heroine của K ở B với giá 160.000.000 đồng và sẽ bán lại cho N với giá 180.000.000đồng, rồi N sẽ bán lại cho khách 200.000.000 đồng. Sau đó, T1 bảo T khi nào K gọi điện đến đón thì đi cùng K, rồi đón N và đem bánh Heroine đi bán, xong việc T1 sẽ trả công cho T từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của T, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T nhận dạng qua ảnh và xác định đúng là Trần Hoàng T1, sinh năm 1976, trú trại thôn 5, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã triệu tập T1 đến để làm rõ. Tại Cơ quan điều tra, T1 khai vào khoảng 20 giờ ngày 23/3/2020, khi T1 và Nam đang ngồi uống nước ở quán Cà phê Sunny, thì thấy T đi vào quán. Do quen biết, nên T1 gọi T đến uống nước cùng và giới thiệu T với N để làm quen. Sau đó, T1 đi về trước còn T và N ngồi lại uống nước, nói chuyện với nhau nội dung gì T1 không biết. Cơ quan

điều tra đã cho T đối chất với T1, sau khi nghe T khai báo trước cơ quan điều tra, T1 khẳng định lời khai của T là không đúng sự thật, T1 chỉ giới thiệu để T và N làm quen với nhau, T1 không bàn bạc, liên hệ, thống nhất việc mua bán ma túy với T cùng với N và K như T đã khai. Bên cạnh đó, ngoài lời khai của T, Cơ quan điều tra không còn tài liệu, chứng cứ khác chứng minh Trần Hoàng T1 có liên quan đến hành vi mua bán 01 bánh Heroine giữa T và Nam. Vì vậy, cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý Trần Hoàng T1 trong vụ án này và sẽ xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với Phan Thanh N, sinh năm 1981, có HKTT tại thôn Q, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, sau khi bị bắt, Lê Văn T khai nhận Nam và T trực tiếp bàn bạc, thỏa thuận, liên hệ mua bán 01 (một) bánh Heroine với nhau. Căn cứ vào lời khai của T, Cơ quan điều tra đã cho T nhận dạng qua ảnh, T đã nhận được Phan Thanh N đúng là người đã liên quan trực tiếp đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy cùng T. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập N để làm việc, xong N không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương không biết N đi đâu, làm gì nên Cơ quan điều tra chưa thể đấu tranh làm rõ hành vi của N. Do vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi của Phan Thanh N để điều tra và xử lý trong vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Đối với người thanh niên ngồi trên xe ô tô của K, khi K đến đón T vào khoảng 00h ngày 26/3/2020, Lê Văn T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này cũng như hai người khách hẹn mua 01 bánh Heroine của N, trong quá trình điều tra, Lê Văn T khai nhận không biết họ tên và địa chỉ cụ thể của những người này, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ.

Đối với 2 số điện thoại: 0967434xxx; 096392xxxx của Lê Văn T mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra, T khai nhận chỉ dùng 2 số điện thoại trên để liên hệ với gia đình, bạn bè, không liên lạc để giao dịch mua bán ma túy và đã để 2 chiếc điện thoại trên xe ô tô của K, khi T đem bánh Heroine xuống giao cho khách. Còn số điện thoại để giao dịch mua bán ma túy là sim khuyến mại nên T không nhớ số, đồng thời không nhớ số điện thoại của Nam, K và T1. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để ra lệnh thu giữ, rút lits điện thoại.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2021/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đã tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt: Lê Văn T tù Chung thân. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (26/3/2020). Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/02/2021, bị cáo Lê Văn T kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Việc bị cáo Lê Văn T bị xử phạt về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ văn hóa thấp, hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, bố mất sớm, vợ không có công việc ổn định; bị cáo là lao động chính trong gia đình; Bị cáo có công với Tổ quốc. Bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh và được Công an huyện Hóc Môn tặng thưởng Bằng khen. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sớm trở về hòa nhập với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và căn cứ kháng cáo của bị cáo, kết luận: Bị cáo Lê Văn T bị xử phạt về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”, *theo điểm b* khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo gửi trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, phù hợp với kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với nhận định và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm về hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Hồi 00 giờ 50 phút ngày 26/3/2020, tại khu vực cây xăng Minh Hương thuộc thôn 4, xã K, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Tổ công tác Phòng PC04, Công an tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang Lê Văn T đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích kiếm lời, thu giữ 01 bánh ma túy có khối lượng là 346,17 gam, loại Heroine. Với khối lượng ma túy mua bán trái phép nêu trên, hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung “*Heroine, Methamphetamine có khối lượng từ 100 gam trở lên*”, được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt bị cáo Lê Văn T theo tội danh, điểm, khoản, điều luật của Bộ luật Hình sự nêu trên là có căn cứ,

đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. *Xét tính chất hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, chỉ vì hám lợi về vật chất, bất chấp quy định của pháp luật, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, chất gây nghiện; góp phần gây ra tệ nạn ma túy, làm hủy hoại sức khỏe của người sử dụng, gây tác hại tiêu cực về nhiều mặt trong đời sống xã hội, còn là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Bản thân bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy và hình phạt đối với hành vi phạm tội về ma túy là rất nghiêm khắc, nhưng do vụ lợi nên đã tham gia mua bán 01 bánh ma túy có khối lượng là 346,17 gam, loại Heroine, mục đích để được nhận số tiền công từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Do đó, cấp phúc thẩm đồng tình phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đối với loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm này trong tình hình hiện nay, để có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Mặc dù, sau khi phạm tội bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có bố để tham gia kháng chiến chống Mỹ, là người có công với Cách mạng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên, với khối lượng ma túy mà T mua bán là rất lớn, trong khi tình hình tội phạm về ma túy diễn biến phức tạp, việc mua bán, vận chuyển ma túy hết sức tinh vi, diễn ra liên tỉnh. Trên cơ sở đánh giá khách quan, đầy đủ các chứng cứ của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đúng tính chất, hành vi, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình hình đấu tranh phòng chống với loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm này, xử phạt bị cáo Lê Văn T tù Chung thân là phù hợp.

[4]. *Xét kháng cáo của bị cáo:* Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T1 khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, trình bày không hiểu biết pháp luật; gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình; bố có công với Cách mạng. Xét thấy, những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo đưa ra đã được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng. Ngoài tình tiết giảm nhẹ đã áp dụng, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Mặt khác, như đã nêu trên, khối lượng ma túy mà bị cáo mua bán là rất lớn, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Vì vậy, quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có cơ sở và không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[5]. Sau khi bị cáo nói lời sau cùng, Hội đồng xét xử đã tiến hành nghị án theo quy định của pháp luật. Trong thời gian nghị án, Luật sư Lê Thị Hằng nộp cho Thư ký phiên tòa để chuyển cho Hội đồng xét xử: Bản sao (có chứng thực) Bằng khen của Công an huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh, vào sổ khen thưởng số 05/QĐ.UB ngày 16/5/2019 tặng thưởng cho Lê Văn T, sinh ngày 13/9/1982, lý do khen thưởng do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ an ninh. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và đánh giá việc Trưởng Công an huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp Bằng khen cho Lê Văn T là không đúng

thẩm quyền quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và Thông tư số 12/2019/TT-BCA ngày 29/5/2019 của Bộ Công an. Hơn nữa, Luật sư Lê Thị Hằng chỉ cung cấp bản sao y của Bằng khen đã được UBND thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh chứng thực đúng với bản chính, nhưng người chứng thực là Hà Văn Giang thì không rõ chức vụ, quyền hạn tại UBND thị trấn Hóc Môn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận bản sao Bằng khen mà Công an huyện Hóc Môn cấp cho Lê Văn T là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới của bị cáo. Ngoài ra, việc cấp Bằng khen cho Lê Văn T là có dấu hiệu không minh bạch nên Hội đồng xét xử kiến nghị Công an tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6]. *Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*: Xét thấy, các căn cứ và lập luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở và được chấp nhận.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T.
2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm 15/2021/HS-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015.
Xử phạt bị cáo Lê Văn T: Tù Chung thân, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày ngày 26 tháng 3 năm 2020.
3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.
4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo (qua trại);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đặng Đình Lực

